

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DIÊN KHÁNH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Tín

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trục

Ông Phạm Hùng Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Minh T**, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D.K, Khánh Hòa

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Thái H**, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D.K, Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Minh T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Thái H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà chồng tại thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh sinh sống. Quá trình chung sống, quan hệ vợ chồng bình thường, đến năm 2017, ông H ham mê cá độ bóng đá gây nợ nần; thiếu trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà đã khuyên can nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vào tháng 5/2019, cũng xuất phát từ việc ông H cá độ bóng đá gây nợ nần nên giữa vợ chồng xảy ra kinh cãi nghiêm trọng; ông H đã có lời lẽ xúc phạm và đánh bà. Bà

không thể tiếp tục chung sống với ông H nữa nên bà đã dẫn con gái là Nguyễn Lê Hoàng T về nhà mẹ ruột của bà ở xã Diên Thạnh, huyện Diên Khánh sinh sống. Từ đó đến nay bà và ông H không gặp nhau, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm giữa bà và ông H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Lê Thái H1, sinh ngày 27/4/20xx và Nguyễn Lê Hoàng T1, sinh ngày 04/10/20xx. Hiện nay cháu T1 đang sinh sống cùng với bà; còn cháu H1 đang ở với ông H. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1; giao cháu H1 cho ông H nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Thái H không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Minh T đối với ông Nguyễn Thái H. Giao Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 04/10/20xx cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao Nguyễn Lê Thái H, sinh ngày 27/4/20xx cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Bà T, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Thái H tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 15/11/2007, bà Lê Thị Minh T và ông Nguyễn Thái H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 205/2007, quyển số: 02; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà Lê Thị Minh T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn; hiện tại, bà T không còn tình cảm với ông H; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Thực tế, vợ chồng bà T và ông H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 đến nay; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông H đều không đến, không có lời khai và tại phiên tòa ông H cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông H có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Theo Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Lê Thái H1, sinh ngày 27/4/20xx và cháu Nguyễn Lê Hoàng T1, sinh ngày 04/10/20xx thì cháu H1, cháu T1 là con của bà T và ông H. Hiện nay, cháu H1 đang sống với ông H; cháu T1 đang với bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1; giao cháu H1 cho ông H nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có nguyện vọng ở với bà T; cháu H1 có nguyện vọng ở với ông H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu, cần giao cháu T1 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H1 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu T1, không cấp dưỡng nuôi cháu H1. Ông H không có lời khai về vấn đề này nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của bà T, ông H.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông H chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Minh T được ly hôn ông Nguyễn Thái H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Lê Thái H1, sinh ngày 27/4/20xx cho ông Nguyễn Thái H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Nguyễn Lê Hoàng T, sinh ngày 04/10/20xx cho bà Lê Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị Minh T, ông Nguyễn Thái H. Bà Lê Thị Minh T, ông Nguyễn Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Lê Thị Minh T, ông Nguyễn Thái H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Minh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông Nguyễn Thái H chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Minh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002742 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Lê Thị Minh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thái H được quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh  
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

**Nguyễn Trung Tín**